

Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	50316		1683.27	595.37	1541.07	395.39	5895.47	15635.31	41.42				
			2,278.64		1,936.45		5,895.47	15,635.31	41.42				1,558,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	38000	31.2				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			74%	26%	80%	20%		41%	133%				
		100%	18%		34%		47.4%						

Nhận xét:

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 41% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 133 % nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

Lê Phương Thảo

Trần Thị Dự

Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	682		1324.81	537.70	1706.36	384.24	6318.03	4731.54	57.34				
			1,862.51		2,090.59		6,318.03	4,731.54	57.34				1,558,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	38000	31.2				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			71%	29%	82%	18%		12%	139%				
		100%	15%		36%		49%						

Nhận xét:

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 12% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 139% so với nhu cầu khuyến nghị nhiều hơn

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

Lê Phương Thảo

Trần Thị Dự

Ngày tháng 09 năm 2025	693		1804.24	778.01	1751.07	350.57	6498.72	15867.61	42.46				
			2,582.25		2,101.63		6,498.72	15,867.61	42.463				1,640,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	40000	32.8				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			70%	30%	83%	17%		40%	129%				
		100%	19%		34%		47%						

Nhận xét:

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 40% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 129% thừa so với nhu cầu khuyến nghị

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

Lê Phương Thảo

Trần Thị Dụ

Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ NT đạt được	664		1047.74	461.97	1211.60	261.99	4477.40	11601.18	26.81				
			1,509.71		1,473.59		4,477.40	11,601.18	26.81				1,148,000
Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị	600	651	13-20%		30-40%		47-50%	28000	23.0				
			>_ 60%		>_ 70%								
Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được			69%	31%	82%	18%		41%	117%				
		100%	16%		35%		49%						

Nhận xét:

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 41% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 117% nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

Lê Phương Thảo

Trần Thị Dụ